

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 2013

Số: 185/QLCL-CL1

V/v: xuất khẩu thủy sản vào Canada

Kính gửi:

- Các cơ sở sản xuất thủy sản xuất khẩu vào Canada;
- Các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng.

Theo thông báo của Cơ quan Thanh tra thực phẩm Canada (CFIA), **kể từ ngày 08/4/2013**, một số loài/dạng sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào Canada dùng làm thực phẩm phải tuân thủ Quy định về Thú y (Health Animals Regulations) của Canada, cụ thể như sau:

- Đối tượng chịu sự điều chỉnh: các loài thủy sản (cá, giáp xác, nhuyễn thể) có mã số HS nằm trong Danh sách nêu tại Phụ lục 1 (gửi kèm) còn sống hoặc đã chết chưa được loại bỏ phụ phẩm và phụ phẩm của các loài này xuất khẩu vào Canada dùng làm thực phẩm. Ví dụ một số trường hợp không thuộc đối tượng điều chỉnh: cá đã loại bỏ nội tạng như cá fillet (fish fillets), tôm chỉ còn đuôi (tail only shrimp), nhuyễn thể đã bỏ vỏ hoàn toàn hoặc một phần (half shell or shucked molluscs).

(Danh sách nêu trên và Danh mục các bệnh thủy sản bắt buộc phải công bố dịch theo yêu cầu của Canada được đăng tải tại trang web của CFIA, địa chỉ: http://www.inspection.gc.ca/animals/aquatic-animals/imports/new-regulatory-requirements/harmonized_codes/eng/1354247636615/1354247711295#a3 và <http://www.inspection.gc.ca/animals/aquatic-animals/diseases/susceptible-species/eng/1327162574928/1327162766981>; hoặc đăng tải trên trang web của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản).

- Để được xuất khẩu vào Canada các lô hàng thủy sản thuộc đối tượng điều chỉnh nêu trên cần có Giấy phép nhập khẩu (Import permits) do CFIA cấp. Nhà nhập khẩu phải liên hệ với CFIA để đăng ký và được cấp Giấy phép nhập khẩu. Ngoài ra, lô hàng phải kèm theo Chứng thư kiểm dịch (Health certificate) do cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấp.

- CFIA cũng đã thông báo thời điểm áp dụng Quy định nêu trên được tính theo ngày cập cảng (không tính theo ngày tàu chạy). Do vậy, các lô hàng thủy sản thuộc đối tượng điều chỉnh nhập khẩu vào Canada kể từ ngày 08/4/2013 phải được kèm theo Chứng thư kiểm dịch.

Để tuân thủ đầy đủ quy định của Cơ quan thẩm quyền Canada khi xuất khẩu thủy sản vào thị trường này, Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản yêu cầu:

1. Các cơ sở sản xuất thủy sản xuất khẩu vào Canada

- Nghiên cứu kỹ Quy định về Thú y và các hướng dẫn có liên quan khác của CFIA; chủ động liên hệ với nhà nhập khẩu để thực hiện các quy định, thủ tục có liên quan khi xuất khẩu thủy sản vào Canada.

- Yêu cầu cơ sở cung cấp nguyên liệu thủy sản khai báo thông tin về tình hình dịch bệnh thủy sản; lưu trữ đầy đủ hồ sơ xuất xứ nguyên liệu thủy sản và khai báo của cơ sở cung cấp nguyên liệu để cung cấp cho các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng thuộc Cục khi làm thủ tục đăng ký xuất khẩu vào Canada các lô hàng thủy sản thuộc đối tượng điều chỉnh.

- Đăng ký với các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng thuộc Cục để được kiểm dịch và cấp Chứng thư kiểm dịch cho các lô hàng thủy sản thuộc đối tượng điều chỉnh khi xuất khẩu vào Canada.

- Nghiên cứu, có kế hoạch xuất hàng vào Canada phù hợp, tránh các vướng mắc liên quan đến thời điểm áp dụng Quy định (ngày 08/4/2013 – thời điểm lô hàng nhập khẩu vào Canada)

2. Các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng

- Phổ biến, hướng dẫn các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu trên địa bàn thực hiện đúng quy định khi xuất khẩu thủy sản vào Canada.

- Thực hiện kiểm dịch, cấp Chứng thư kiểm dịch cho các lô hàng thủy sản đăng ký xuất khẩu vào Canada theo mẫu (kèm theo hướng dẫn) tại Phụ lục 2 kèm theo. Trong đó, đối với các nội dung xác nhận về dịch bệnh trong Chứng thư, các Trung tâm vùng cần căn cứ vào thông tin về tình hình dịch bệnh thủy sản nêu trong khai báo/cam kết của cơ sở cung cấp nguyên liệu thủy sản và doanh nghiệp chế biến; đồng thời, tham khảo thêm các Thông báo kết quả thực hiện chương trình kiểm soát dư lượng các chất độc hại hàng tháng và thông tin/thông báo về tình hình dịch bệnh thủy sản của Bộ NN&PTNT/ Cục Thú y (nếu có).

Do đây là quy định mới của Canada liên quan đến kiểm soát dịch bệnh thủy sản, nên Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản đã và đang tích cực làm việc với Cơ quan thẩm quyền Canada để làm rõ các nội dung có liên quan. Đồng thời, Cục cũng đã có văn bản gửi Cục Thú y đề nghị cung cấp các thông tin có liên quan đến tình hình dịch bệnh thủy sản. Để không ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu thủy sản vào Canada, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị chủ động, kịp thời báo cáo về Cục để được hỗ trợ giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Cơ quan Trung Bộ, Nam Bộ;
- Cục Thú y (để phối hợp);
- VASEP (để thông báo cho các DN);
- Phòng QLKN (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, KH-TH, CL1.



Phụ lục 1

Danh mục mã số HS của các loài thủy sản thuộc đối tượng điều chỉnh

HS OGD^(*) Codes
030191
030192
030193
030194
030195
030199
030211
030213
030214
030219
030221
030222
030223
030224
030229
030231
030232
030233
030234
030235
030236
030239
030241
030242
030243
030244
030245
030246
030247
030251
030252
030253
030254
030255
030256
030259
030271
030272
030273
030274
030279
030281
030282
030283
030284
030285
030289
030230

030311
030312
030313
030314
030319
030323
030324
030325
030326
030329
030331
030332
030333
030334
030339
030341
030342
030343
030344
030345
030346
030349
030351
030353
030354
030355
030356
030357
030363
030364
030365
030366
030367
030368
030369
030381
030382
030383
030384
030389
030390
030611
030612
030614
030615
030616
030617
030619
030621
030622
030624
030625

030626
030627
030629
030711
030719
030721
030729
030731
030739
030741
030749
030751
030759
030760
030771
030779
030781
030789
030791
030799

(*): Other Government Department (OGD) codes



NATIONAL AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT (NAFIQAD)
BRANCH ...

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG...

(Address, email, telephone and fax number/ Địa chỉ, email, số điện thoại và số fax)

**HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF AQUATIC ANIMAL INTENDED
FOR HUMAN CONSUMPTION FROM VIETNAM TO CANADA**
**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH CHO THỦY SẢN XUẤT KHẨU SANG THỊ
TRƯỜNG CANADA DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Reference No./Số:

I. IDENTIFICATION/MÔ TẢ:					
Country of origin: VIETNAM , ISO Code: VN <i>Nước xuất khẩu:</i>			Country of destination: CANADA , ISO Code: CA <i>Nước nhập khẩu:</i>		
Species: (commercial and Scientific name)/ <i>Loài: (tên thương mại và tên khoa học)</i>	Disease of concern for the species/ <i>Bệnh liên quan đến loài</i>	Number or quantity/ <i>Số lượng hoặc khối lượng</i>	Life stage/ <i>Trạng thái sống</i>	Source of animal/ <i>Nguồn gốc thủy sản</i>	Lot number/ <i>Số lô</i>
The goods will be exported to Canada for/ <i>Lô hàng xuất khẩu vào Canada dùng để:</i> <input type="checkbox"/> Food service and retail use/ <i>Bán lẻ làm thực phẩm</i> <input type="checkbox"/> Further processing/ <i>Sản xuất tiếp</i>					
II. ORIGIN/ NGUỒN GỐC					
Name and address of exporter/ <i>Tên và địa chỉ của nhà xuất khẩu:</i>					
Name and address of Premises of Origin/ <i>Tên và địa chỉ của cơ sở xuất xứ của thủy sản</i>					
III. DESTINATION / NƠI ĐẾN					
The goods will be sent/ <i>Hàng được gửi:</i> From/ <i>Từ:</i> (Place of loading/ <i>Nơi bốc hàng</i>) To/ <i>Đến:</i> (country and place of destination/ <i>Nước và địa điểm đến</i>)					
Means of transport/ <i>Phương tiện vận chuyển:</i>			Date of departure/ <i>Ngày khởi hành:</i>		
Name and address of importer/ <i>Tên và địa chỉ của nhà nhập khẩu:</i>			Canadian Import Permit Number/ <i>Mã số nhập khẩu Canada:</i>		

IV. ATTESTATION/CHỨNG NHẬN:

I, the undersigned, certify that the aquatic animals described intended for human consumption above satisfy the following requirements/*Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận thủy sản được mô tả ở trên sử dụng làm thực phẩm cho người đáp ứng các yêu cầu sau:*

Packaging and Shipping Information/Thông tin về đóng gói và vận chuyển:

1. The aquatic animal(s) is(are) packaged in shipping containers, holding units and/or conveyances that are either new or cleaned and disinfected. The shipping containers and/or holding units prevent release of shipping contents (eg. water⁽¹⁾ or animals) while en route/*Thủy sản được đóng gói trong các thùng, thiết bị chứa đựng mới hoặc đã được làm sạch và khử trùng. Các thùng, thiết bị chứa đựng ngăn ngừa được sự thất thoát vật chất bên trong (ví dụ nước⁽¹⁾ hoặc thủy sản) trong quá trình vận chuyển.*
2. The aquatic animal(s) is (are) packaged in a manner which prevents contact or exchange of animals or water between different shipments of aquatic animals on the same conveyance/*Thủy sản được đóng gói theo đúng quy cách để ngăn ngừa sự tiếp xúc hoặc trao đổi thủy sản hoặc nước giữa các thùng chứa thủy sản trong khi vận chuyển*
3. A visible, legible label is present on the containers used to transport the aquatic animals. The label contain information that clearly indentifies the origin and destination of the consignment and its details contents, including the location in which the aquatic animal(s) was born, the taxonomic name of the aquatic animal(s), whether the aquatic animal(s) was(were) wild or farmed and the number/quantity of biomass of the aquatic animal(s) in the shipment./*Trong quá trình vận chuyển thủy sản, các thùng chứa có nhãn dễ nhận biết, dễ đọc. Nhãn chứa các thông tin phân biệt rõ về xuất xứ và nơi đến của lô hàng cũng như các nội dung chi tiết khác, kể cả thông tin về nơi thủy sản được sinh ra, tên khoa học của thủy sản, thủy sản sống tự nhiên hoặc được nuôi cũng như số lượng/khối lượng sinh khối của thủy sản trong quá trình vận chuyển*

Zoosanitary requirements for Wild or Farmed or Cultivated Aquatic Animal/Các yêu cầu về vệ sinh thú y cho thủy sản khai thác, nuôi:

1. The disease(s) of concern specific to the species being exported, as per Section I is/are compulsorily notifiable to the competent authority in the exporting country/*Thủy sản nếu mắc bệnh liên quan đến loài được nêu tại Mục I sẽ được thông báo tới cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu.*
2. The aquatic animals to be exported to Canada have been inspected within 72 hours of export and showed no clinical signs of disease/*Thủy sản xuất khẩu sang Canada được kiểm tra trong vòng 72 giờ trước khi xuất khẩu và không có dấu hiệu bệnh*
3. For wild aquatic animals, the broodstock populations or population to be exported have not experienced any unexplained morbidity or mortality events within the previous 3 months prior to export⁽²⁾./*Đối với thủy sản khai thác, quần thể bố mẹ hoặc thủy sản xuất khẩu phải không có biểu hiện về bệnh hoặc chết không có lý do trong vòng ba tháng trước khi xuất khẩu⁽²⁾*
4. For cultured aquatic animals, the broodstock populations and population to be exported have not experienced any unexplained morbidity or mortality events within the previous 3 months prior to export⁽²⁾./*Đối với thủy sản nuôi, quần thể bố mẹ và thủy sản xuất khẩu phải không có biểu hiện về bệnh hoặc chết không có lý do trong vòng ba tháng trước khi xuất khẩu⁽²⁾*

5. For cultured aquatic animals, the aquatic animal(s) and their broodstock are not under any restriction by the exporting country's competent authority or intended for destruction or slaughter for disease control purposes./ *Đối với thủy sản nuôi, thủy sản và bố, mẹ của chúng không bị cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấm tiêu thụ hoặc bị tiêu hủy, giết mổ với mục đích kiểm soát dịch bệnh⁽²⁾.*
6. For wild aquatic animals, the aquatic animal(s) or their broodstock are not under any restriction by the exporting country's competent authority or intended for destruction or slaughter for disease control purposes./ *Đối với thủy sản khai thác, thủy sản hoặc bố, mẹ của chúng không bị cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấm tiêu thụ hoặc bị tiêu hủy, giết mổ với mục đích kiểm soát dịch bệnh⁽²⁾.*
7. The transport water, and ice if included, as well as any other susceptible aquatic animals which contact the animals to be exported during transport, are free of the disease(s) of concern specific to the species being exported as per Section I or treated in a manner that will destroy these pathogens prior to contact with the aquatic animals./ *Nước, nước đá nếu có, và loài thủy sản khác tiếp xúc với thủy sản xuất khẩu trong quá trình vận chuyển phải không mang mầm bệnh liên quan đến loài thủy sản xuất khẩu nêu tại mục I hoặc được xử lý bằng cách tiêu hủy mầm bệnh trước khi tiếp xúc với thủy sản.*
8. The shipment is free from visible ectoparasites and intermediate hosts.⁽³⁾/ *Lô hàng không có sự xuất hiện của kí sinh trùng nhìn thấy bằng mắt thường và các vật chủ trung gian khác⁽³⁾*
9. Only those species specified in the import permit are included in the shipment and must be free from fellow travelers or for molluscs, the shipment has been treated in a manner which will destroy the fellow travelers.⁽³⁾/ *Lô hàng chỉ bao gồm các loài có tên trong giấy phép nhập khẩu và không bao gồm các loài khác đi cùng hoặc đối với các loài nhuyễn thể, lô hàng được xử lý để tiêu hủy loài đi cùng⁽³⁾.*

(Place and date of issuance/Địa điểm và ngày ban hành)

**DIRECTOR OF INSPECTION BODY/
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA**
(Signature and stamp/Ký và đóng dấu)

Note/Ghi chú:

⁽¹⁾: Keep in case of finfish/Để nguyên nếu thủy sản là cá.

⁽²⁾: Keep as appropriate/Giữ nguyên nếu phù hợp

⁽³⁾: Keep items "8" and "9" if the animals are live/Giữ mục 8,9 đối với thủy sản sống

Hướng dẫn điền thông tin tại một số mục của Chứng thư

Phần I (Mô tả - Identification):

- Mục “Loài (tên thương mại và tên khoa học)”: đối với tên khoa học, điền tên khoa học theo danh mục loài thủy sản và bệnh phải kiểm dịch tại trang web của CFIA, địa chỉ: <http://www.inspection.gc.ca/animals/aquatic-animals/diseases/susceptible-species/eng/1327162574928/1327162766981>
- Mục “Bệnh liên quan đến loài”: điền tên bệnh theo danh mục loài thủy sản và bệnh phải kiểm dịch tại trang web của CFIA, địa chỉ: <http://www.inspection.gc.ca/animals/aquatic-animals/diseases/susceptible-species/eng/1327162574928/1327162766981>
- Mục “Trạng thái sống”: điền “live” nếu là thủy sản sống hoặc “dead” nếu là thủy sản chết.
- Mục “Nguồn gốc thủy sản”: điền “cultured” nếu là thủy sản nuôi hoặc “wild” nếu là thủy sản khai thác tự nhiên.